

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12 – 05 – 2022.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 05 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS, ngày 22 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị K, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ ấp Kênh 13, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Chí T, sinh năm 1986 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ ấp M, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lâm Văn C, sinh năm 1966 (cha ruột bà K, xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp K, xã V, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 03/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị K và ông Phạm Chí T (sau đây gọi tắt là bà K và ông T) đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang ngày 27/11/2018. Vợ chồng chung sống được hơn một thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không quan tâm, chăm lo cho gia đình và thường có hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà K. Bà K và ông T đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà K và ông T có 01 người con chung tên Phạm Thị Kiều Phương, sinh ngày 01/11/2019, giới tính nữ, hiện đang sống với bà K. Vợ chồng ly hôn bà K yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng bà K, ông T có mượn của cha ruột là ông Lâm Văn C số tiền 14.000.000 đồng, 01 máy Honda; nợ tiền hụi của bà Nguyễn Thị N là 8.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Chí T được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hòa giải và xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lâm Văn C trình bày: Vợ chồng bà K, ông T có mượn của ông Lâm Văn C (sau đây gọi tắt là ông C) số tiền 14.000.000 đồng và 01 máy Honda 5.5. Nay ông C yêu cầu vợ chồng bà K, ông T phải trả lại cho ông C số tiền 14.000.000 đồng và 01 máy Honda 5.5.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà K có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị N (sau đây gọi tắt là bà N) làm chủ hụi, dây hụi 1.000.000đ/tháng, bà K còn thiếu lại 8 lần hụi chết là 8.000.000 đồng. Hàng tháng bà K đều có đóng hụi cho bà N đầy đủ nên bà N không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp:

Nguyên đơn bà K cung cấp: Giấy trích lục khai sinh tên Phạm Thị Kiều Phương; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của bà Lâm Thị K, ông Phạm Chí T.

Bị đơn ông T cung cấp: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lâm Văn C cung cấp: Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/4/2022; Bản tự khai ngày 11/3/2021.

Bà Nguyễn Thị N cung cấp: Tờ tường trình của bà Nguyễn Thị N; Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/4/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Chí T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không có yêu cầu phản tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Văn C và bà Nguyễn Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà K với ông T là hợp pháp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên nhưng bà K kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng trong thời gian chung sống ông T thường có hành vi xúc phạm danh dự và nhân phẩm của bà K cũng như gia đình bà K.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà K và ông T đã ly thân trên 02 năm, theo bà K thì trong hơn 02 năm qua ông T không có liên lạc hoặc về thăm con và gia đình. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà K và ông T không còn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất cho bà K được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà K và ông T 01 người con chung tên Phạm Thị Kiều Phương, sinh ngày 01/11/2019, giới tính nữ, hiện đang sống với bà K. Vợ chồng ly hôn bà K yêu cầu được nuôi cháu Phương và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của bà K nhận thấy: Từ khi bà K và ông T ly thân đến nay bà K là người trực tiếp nuôi con, hiện tại cháu Phương chưa đủ 36 tháng tuổi cần được

sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà K nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo bà K thì hiện nay ông T làm gì, thu nhập bao nhiêu bà K không rõ. Bà K làm nghề buôn bán dạo, thu nhập chỉ đủ để mẹ con sống tạm qua ngày. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nghĩa vụ cấp dưỡng là của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Việc bà K nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng cho con tùy thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của ông T cũng như nhu cầu thiết yếu của cháu Phương. Mặc dù, bà K không chứng minh được mức thu nhập trung bình hàng tháng của ông T là bao nhiêu để đưa ra mức cấp dưỡng cho phù hợp. Tuy nhiên, qua tham khảo chi phí nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho trẻ em tại địa phương thì số tiền bà K yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con là hoàn toàn hợp lý. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01 tháng 06 năm 2022 cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà K trình bày vợ chồng có mượn của cha ruột là ông Lâm Văn C số tiền 14.000.000 đồng và 01 máy Honda 5.5. Nợ bà N tiền hui chết là 8.000.000 đồng.

Ngày 11/3/2021 ông Lâm Văn C có đơn yêu cầu độc lập, nội dung yêu cầu vợ chồng bà K, ông T phải trả cho ông C số tiền là 14.000.000 đồng và 01 máy Honda; Đến ngày 03/12/2021 ông Lâm Văn C có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông C cũng có ý kiến xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập. Nhận thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn C có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Lâm Văn C.

Đối với bà Nguyễn Thị N, cho rằng bà K còn nợ lại 08 lần hui chết với số tiền 8.000.000 đồng nhưng bà N không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp liên quan đến số tiền nợ hui các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà K phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000597 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Phạm Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Lâm Văn C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000668 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị K được ly hôn với ông Phạm Chí T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thị Kiều Phương, sinh ngày 01/11/2019, giới tính nữ, cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Phạm Chí T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (tên Phạm Thị Kiều Phương, sinh ngày 01/11/2019) mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01 tháng 06 năm 2022 cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà K.

3. Về chia tài sản và nợ chung:

Nguyên đơn bà K không có yêu cầu về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lâm Văn C về việc yêu cầu bà K, ông T trả số tiền 14.000.000 đồng và 01 máy Honda.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000597 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Phạm Chí T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Lâm Văn C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000668 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục THA huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh